

ĐẢM BẢO AN NINH LƯƠNG THỰC TRONG BỐI CẢNH MỚI

ThS.NCS. Vũ Thị Thanh Huyền

Khoa Kinh tế học – Đại học Kinh tế quốc dân

Những năm qua, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia luôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong ổn định và phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Đặc biệt sau 10 năm thực hiện Đề án “An ninh lương thực quốc gia đến năm 2020”, Việt Nam đã giải quyết tương đối thành công vấn đề này, tuy nhiên trong bối cảnh thế giới có bất ổn chính trị và dịch bệnh hoành hành, đảm bảo an ninh lương thực vẫn còn nhiều thách thức, vì vậy Việt Nam cần xem xét, điều chỉnh không những hoạt động sản xuất, xuất khẩu lương thực từ quy mô đến chất lượng mà còn điều chỉnh chính sách để hỗ trợ nông dân và doanh nghiệp kinh doanh lương thực. Hiện nay, an ninh lương thực quốc gia đang chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố như:

Thứ nhất, biến đổi khí hậu (BĐKH) toàn cầu đang diễn ra ngày một nghiêm trọng. Biểu hiện rõ nhất là sự nóng lên của trái đất, băng tan, nước biển dâng cao, thời tiết bất thường, bão lũ, sóng thần, động đất, hạn hán và giá rét kéo dài... làm mùa màng thất thu, dẫn tới thiếu lương thực, thực phẩm và kéo theo hàng loạt dịch bệnh cho con người, gia súc, gia cầm...

Thứ hai, sau hơn một năm hoành hành trên khắp thế giới, dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng đến ngành nông nghiệp của tất cả các nước. Với lệnh cấm nhập cảnh;

đóng cửa biên giới hay thực hiện giãn cách xã hội, hoạt động vận tải bị tê liệt... đã khiến không chỉ hàng triệu người lao động trong ngành này không thể ra đồng thu hoạch và trồng trọt mà hoạt động lưu thông hàng hóa nông nghiệp cũng giảm mạnh, chuỗi cung ứng lương thực toàn cầu bị gián đoạn đã đe dọa đến an ninh lương thực toàn cầu.

Tại Canada, lượng nhập khẩu các loại rau củ quả từ Ấn Độ đã giảm tới 80% trong hai tuần đầu tháng 4/2020 vì đường bay bị hạn chế, hay lượng xuất khẩu trái cây của Philippines giảm xuống còn khoảng 2,5 triệu tấn trong 2020 so với mức 4 triệu tấn của năm 2019 do các giới hạn vận chuyển vì dịch bệnh. Tại Việt Nam, trong 4 tháng đầu năm 2020, kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng nông sản giảm so với cùng kỳ năm trước như: Rau quả đạt 1,3 tỷ USD, giảm 8,7%; cao su đạt 403 triệu USD, giảm 27,5% (lượng giảm 31,7%). Đặc biệt, xuất khẩu nông sản sang Trung Quốc (thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam) gặp khá nhiều khó khăn do một số cửa khẩu biên giới đóng cửa.

Mặt khác, hầu hết các nước sản xuất nông nghiệp lớn đều xây dựng kế hoạch dự trữ một lượng lương thực để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng nội địa khiến nguồn cung lương thực bị gián đoạn và giá cả bấp bênh.

Thứ ba, việc sản xuất lương thực không chỉ tùy thuộc vào điều kiện sản xuất mà còn tùy thuộc vào điều chỉnh chính sách của chính phủ như: Chính sách trợ cấp nông nghiệp, hay các nước phát triển bảo trợ sản xuất lương thực bằng các rào cản kỹ thuật cũng như chính sách tự túc lương thực của các nước đang phát triển làm cho hoạt động sản xuất và xuất khẩu lương thực gặp nhiều khó khăn, không đạt hiệu quả. Bên cạnh đó, các nước xuất khẩu lương thực chủ yếu đã thu hẹp quy mô sản xuất và xuất khẩu lương thực, điều đó cũng tác động đáng kể đến an ninh lương thực.

Thứ tư, trong điều kiện kinh tế thị trường, đòi hỏi sản xuất lương thực phải dựa trên nguyên tắc hiệu quả. Mục tiêu của các doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh lương thực nói riêng là lợi nhuận, họ sẽ từ bỏ lĩnh vực kinh doanh của mình nếu hoạt động của họ không hiệu quả, không có thu nhập tương xứng. Do đó, việc qui hoạch sản xuất, dự trữ, xuất khẩu cần có sự hỗ trợ của nhà nước nhằm đảm bảo hiệu quả cho những người sản xuất và kinh doanh lương thực.

Những lý do trên cho thấy: An ninh lương thực đang và sẽ vẫn là vấn đề cấp thiết, mang tính toàn cầu mà các quốc gia cần có giải pháp hữu hiệu để giải quyết vấn đề này một cách bền vững.

Kết quả đảm bảo an ninh lương thực của Việt Nam trong thời gian qua

Do tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng, nông nghiệp Việt Nam có nguy cơ giảm 7,2 triệu tấn lúa và ảnh hưởng đến 32,2% diện tích trồng nông nghiệp vào cuối thế kỷ 21.

Nếu nhiệt độ tăng thêm 1°C, năng suất lúa giảm 10%, ngô giảm 5 đến 20%, nhu cầu nước tưới tăng thêm 10%. Điều này ảnh hưởng xấu đến sản lượng lương thực và đe dọa an ninh lương thực đặc biệt là nhóm người nghèo và cận nghèo. Đứng trước những điều kiện bất lợi nêu trên, nhiệm vụ đảm bảo an ninh lương thực quốc gia trở nên vô cùng cấp thiết, trong đó lúa gạo là mặt hàng chiến lược tác động trực tiếp đến an ninh lương thực và sự ổn định kinh tế - xã hội.

Ngay từ những năm đầu đổi mới, lợi ích của người nông dân được đảm bảo thông chính sách “khoán hộ”, đây cũng là cơ sở cho sự hình thành thị trường lương thực quốc gia và đảm bảo an ninh lương thực. Mặt khác, nhà nước còn ban hành nhiều chính sách và giải pháp tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xuất khẩu lương thực, góp phần đảm bảo lợi ích của những người sản xuất và kinh doanh lương thực. Nhờ đó, diện tích và sản lượng lương thực của Việt Nam không ngừng tăng lên. (Bảng 1).

Bảng 1. Diện tích, sản lượng lương thực có hạt

Năm	Diện tích (nghìn ha)			Sản lượng (nghìn tấn)		
	Tổng số	Lúa	ngô	Tổng số	Lúa	Ngô
2010	8.615,9	7.489,4	1.125,7	44.632,2	40.005,6	4.625,7
2011	8.777,6	7.655,4	1.121,3	47.235,5	42.398,5	4.835,6
2012	8.918,9	7.761,2	1.156,6	48.712,6	43.737,8	4.973,6
2013	9.074,0	7.902,5	1.170,4	49.231,6	44.039,1	5.191,2
2014	8.996,2	7.816,2	1.179,0	50.178,5	44.974,6	5.202,3
2015	8.996,3	7.830,6	1.164,8	50.394,3	45.105,5	5.287,2
2016	8.947,9	7.790,4	1.152,4	48.838,9	43.609,5	5.225,6
2017	8806,8	7705,2	1099,5	47852,2	42738,9	5109,6
2018	8605,5	7570,9	1932,9	48923,4	44046	4874,1
Sơ bộ 2019	8462,4	7470,1	990,8	48208,4	43448,2	4757

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Hiện Việt Nam đã hình thành vùng sản xuất lương thực lớn ở đồng bằng sông Hồng, sông Cửu Long cung cấp lúa gạo hàng hóa cho cả nước và xuất khẩu.

Sau 10 năm thực hiện, “Đề án An ninh lương thực quốc gia đến năm 2020” 12 chỉ tiêu đã đạt và vượt so với mục tiêu đặt ra, trong đó diện tích trồng lúa cả nước đạt 7,5709 triệu ha vào năm 2018 (mục tiêu đề ra tại hội Nghị quyết là 6,76 triệu ha), sản lượng lúa năm 2019 đạt 44,046 triệu tấn (vượt mục tiêu đạt ra 41-43 triệu tấn). Đặc biệt, sau khi triển khai thực hiện Đề án “thương hiệu gạo Việt Nam” và chiến lược phát

triển thị trường xuất khẩu gạo giai đoạn 2017-2020, định hướng đến 2030. Thị trường xuất khẩu gạo không ngừng mở rộng, chuyển mạnh sang chính ngạch. Năm 2018 xuất khẩu 6,16 triệu tấn trị giá 3,06 tỷ USD, đây được coi là bước ngoặt trong xuất khẩu gạo của Việt Nam. Gạo Việt Nam đã xuất khẩu đến 150 quốc gia và vùng lãnh thổ, cơ cấu đa dạng, chủng loại chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng sản phẩm có chất lượng, giá trị gia tăng cao.

Để có một nền nông nghiệp sản xuất lớn, Việt Nam đã áp dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp nhờ vậy sản lượng nông nghiệp tăng và đóng góp trên 30% giá trị gia tăng vào tổng sản lượng quốc gia. Việc ứng dụng khoa học công nghệ tập trung chủ yếu vào các sản phẩm chủ lực, gắn với bảo quản, chế biến, tiêu thụ theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc, đáp ứng thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong các vùng sản xuất lúa tập trung, qui mô lớn, đã hình thành các cụm công nghiệp dịch vụ, công nghiệp phụ trợ và thực hiện cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp. Mặt khác, việc sử dụng các giống lúa mới có năng suất chất lượng cao và có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu cũng đã được triển khai ứng dụng trong toàn quốc và ngành nông nghiệp đã thực hiện tốt qui định vệ sinh môi trường trong việc sử dụng vật tư và xử lý chất thải nông nghiệp. Bên cạnh đó, ngành nông nghiệp cũng tăng cường hợp tác nghiên cứu phát triển lúa gạo với Viện nghiên cứu Lúa quốc tế (IRRI) và các tổ chức khoa học quốc tế khác nhằm đào tạo nâng cao năng lực nghiên cứu quốc gia

Trong công tác đào tạo nguồn nhân lực của ngành, với sự hỗ trợ của nhà nước, các lớp đào tạo ngắn hạn nhằm tập huấn kỹ năng cho người nông dân được tổ chức thường xuyên và định kỳ theo kế hoạch của các địa phương.

Trong thời gian qua, Nhà nước đã dành nhiều sự quan tâm đến khả năng tiếp cận nguồn lương thực cho người dân, cụ thể: Xây dựng kết cấu hạ tầng của nền kinh tế nói chung và thị trường lương thực nói riêng như hệ thống đường sá, sân bay, bến cảng được mở rộng và hiện đại hóa; hệ thống thông tin liên lạc ngày càng phát triển; hệ thống kho, bến bãi, các cửa hàng kinh doanh lương thực, chợ, siêu thị... được xây dựng rộng khắp cả nước. Nhờ đó, kênh phân phối lương thực không ngừng được mở rộng và hoàn thiện tạo thuận lợi cho người dân và các doanh nghiệp kinh doanh buôn bán.

Do đó, về cơ bản Việt Nam đã đảm bảo an ninh lương thực cho tuyệt đại đa số người dân, nạn thiếu lương thực đã được giải quyết. Thu nhập bình quân trên đầu người của Việt Nam liên tục tăng giúp cho việc cải thiện khả năng tiếp cận lương thực.

Trong giai đoạn 2009-2020, sản lượng lúa của Việt Nam tăng từ 39,17 triệu tấn lên 43,4 triệu tấn, bình quân quân lương thực đầu người tăng từ 497 kg/năm lên 525 kg/năm, thu nhập bình quân đầu người/năm ở nông thôn đã tăng 43 lần, khoảng cách thu nhập giữa thành thị và nông thôn thu hẹp từ 2,1 lần xuống còn 1,8 lần, tỷ lệ hộ nghèo chỉ còn dưới 4%. Sản xuất nông nghiệp của Việt Nam đã đáp ứng căn bản nhu cầu của nhân dân, nhu cầu xuất khẩu, đáp ứng yêu cầu đối phó với biến động của thiên tai, dịch bệnh, góp phần quan trọng vào nhiệm vụ đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, đồng thời đưa Việt Nam vào nhóm 6 nước hàng đầu trong hỗ trợ an ninh lương thực cho các quốc gia khác.

Khó khăn và thách thức

Để đảm bảo an ninh lương thực, bên cạnh những thuận lợi, cơ hội, Việt Nam cần có những giải pháp nhằm tiếp tục đối phó với nhiều khó khăn và thách thức.

Thứ nhất, xuất phát là một nền sản xuất nhỏ, mặc dù trong thời gian qua Việt Nam đã chú trọng tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn, tuy nhiên khâu liên kết sản xuất chuỗi gắn với vùng sản xuất, với chế biến, tổ chức thị trường còn nhiều hạn chế và bất cập trên tất cả các ngành hàng, nhất là khâu chế biến nông sản và hình thành vùng sản xuất tập trung. Do đó, giá trị sản xuất nông sản và tiêu thụ còn có tình trạng bấp bênh kéo dài. Bên cạnh đó, việc ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa, ứng dụng thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong nông nghiệp chưa đạt yêu cầu đặt ra dẫn đến NSLĐ còn thấp; hình thức sản phẩm chưa đạt yêu cầu, giá thành cao nên chưa thúc đẩy được nông nghiệp phát triển. Trong nông nghiệp

vẫn còn lãng phí, trước, trong và sau thu hoạch.

Thứ hai, Nông dân là những người trực tiếp sản xuất tại địa phương thường thiếu thông tin khí tượng nông nghiệp và nhân viên khuyến nông tại các địa phương thường bị hạn chế khi truy cập dịch vụ khí tượng thủy văn khiến cho việc tổng hợp kiến thức khí tượng còn nhiều hạn chế.

Thứ ba, thiếu an toàn chất lượng lương thực cung ứng do tồn dư thuốc bảo vệ trong sản phẩm. Trong thời gian qua, do chú trọng gia tăng sản lượng lương thực, nông dân đã gia tăng vụ mùa. Đây là nguyên nhân dẫn đến hậu quả cạn kiệt chất dinh dưỡng trong đất đai, trong đó có việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, từ đó làm cho chất lượng gạo càng khó kiểm soát, không an toàn.

Thứ tư, theo kết luận số 81-KL/TW về đảm bảo an ninh lương thực đến năm 2030, Việt Nam phải nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, giữ 3,5 triệu ha đất lúa do đó nông dân phải thu hẹp diện tích đất trồng các loại cây khác. NSLĐ trong nông nghiệp còn thấp, do ảnh hưởng của thiên tai và tác động của kinh tế thị trường, nhiều thời điểm, nông dân vẫn chịu thua thiệt khi giá lúa giảm sút, thậm chí giá bán xuống thấp hơn giá thành sản xuất khiến nhiều hộ nông dân thua lỗ, dẫn đến tình trạng nông dân bỏ ruộng ở một số địa phương.

Để đảm bảo an ninh lương thực trong điều kiện mới, *Thứ nhất*, Việt Nam cần qui hoạch hợp lý đất nông nghiệp, đặc biệt qui hoạch đất dành cho sản xuất lương thực, cần mạnh dạn chuyển đổi những diện tích trồng lương thực năng suất thấp do nhiễm mặn, hạn hán, lũ lụt... sang trồng các cây phi lương thực hoặc nuôi thủy sản

Thứ hai, tổ chức lại sản xuất, đẩy mạnh cơ giới hóa, tự động hóa

sản xuất, gắn liền với chế biến, tiêu thụ lương thực, thực phẩm theo hướng tăng cường hợp tác, liên kết sản xuất tập trung, qui mô lớn, quản lý chặt chẽ theo chuỗi giá trị nông sản.

Thứ ba, nâng cao khả năng và quyền tiếp cận của người dân đối với lương thực, thực phẩm an toàn, đảm bảo dinh dưỡng. Nâng cấp và hiện đại hóa kết cấu hạ tầng, trọng tâm là: Hệ thống giao thông, nhằm phát triển dịch vụ vận tải và logistic, bảo đảm an toàn, nhanh chóng, hiện đại, thân thiện với môi trường; các công trình thủy lợi đa mục tiêu, hệ thống kho dự trữ quốc gia và hạ tầng phòng chống thiên tai đồng bộ, hiện đại phục vụ sản xuất, kinh doanh, dự trữ lương thực, thực phẩm. Cần hoàn thiện hệ thống lưu thông lương thực, thực phẩm tạo điều kiện cho người tiêu dùng có khả năng tiếp cận trong mọi tình huống.

Thứ tư, cần có thông tin dự báo kịp thời, chính xác kèm khuyến cáo cho người nông dân trong quản lý, chăm sóc cây trồng vật nuôi. Các dịch vụ về khí hậu cần xuất phát từ nhu cầu người dùng, các thông tin cần dễ hiểu phù hợp với bối cảnh địa phương về cơ cấu vụ mùa, điều kiện và cách thức canh tác tại địa phương và hệ thống giám sát đánh giá do người dân thực hiện.

Thứ năm, cần nâng cao chất lượng công tác đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu của một nền nông nghiệp hiện đại và nâng cao khả năng nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong ngành nông nghiệp. Cần nghiên cứu chọn giống cây trồng, vật nuôi, qui trình sản xuất tiên tiến nhằm tăng năng suất, chất lượng, chống dịch bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

(Xem tiếp trang 37)

bình quân trên một doanh nghiệp đạt 16,5 tỷ đồng. Trong số doanh nghiệp đang hoạt động, loại hình công ty TNHH 1 thành viên chiếm tỷ trọng lớn nhất 51,8% với 10.271 doanh nghiệp, tổng số vốn điều lệ đăng ký là 131.368 tỷ đồng; Đơn vị trực thuộc doanh nghiệp đang hoạt động 3.760 đơn vị (chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh);

Toàn tỉnh có 1.364 doanh nghiệp và 193 đơn vị trực thuộc đang tạm ngừng kinh doanh với tổng số vốn đăng ký 7.957 tỷ đồng./.

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh)

Hưng Yên: Tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ tiêu dùng tháng 4/2021 tăng 31,97% so với cùng kỳ năm 2020

Theo Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 4 năm 2021 trên địa bàn tỉnh ước tính đạt 3.643.637 triệu đồng, tăng 2,81% so với tháng trước và tăng 31,97% so cùng kỳ năm 2020.

Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 4/2021 ước đạt 2.596.490 triệu đồng, tăng 0,77% so với tháng trước và tăng 18,73% so với cùng kỳ năm 2020. Nhóm hàng lương thực, thực phẩm tăng 0,66% so với tháng trước; Nhóm hàng may mặc tăng 1,65%; Nhóm hàng đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 0,61%; Nhóm hàng vật liệu xây dựng tăng 1,64%; Nhóm hàng ô tô và phương tiện đi lại tăng 0,14%; xăng, dầu tăng 0,62%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tháng 4/2021 ước đạt 143.460 triệu đồng, tăng 14,83% so với tháng trước và tăng 267,08% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, dịch vụ lưu trú 3.675 triệu đồng, tăng 13,08%; dịch vụ ăn uống ước đạt 139.785 triệu đồng, tăng 14,87% so với tháng trước. Doanh thu dịch vụ lữ hành tháng 4/2021 ước đạt 1.245 triệu đồng, tăng 80,43% so với tháng trước. Doanh thu ngành dịch vụ ước đạt 902.442 triệu đồng tăng 7,22% so với tháng trước và tăng 68,68% so cùng kỳ năm 2020.

Tính chung bốn tháng đầu năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 14.489.579 triệu đồng, tăng 10,01% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó: Thương nghiệp 10.419.317 triệu đồng, tăng 9,18%; khách sạn, nhà hàng 542.038 triệu đồng, tăng 23,51%; doanh thu du lịch 3.095 triệu đồng, tăng 2,11%; doanh thu dịch vụ khác 3.525.129 triệu đồng, tăng 10,64%./.

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên)

Bình Thuận: Duy trì tốt hoạt động sản xuất, nuôi trồng thủy sản

Theo Cục Thống kê tỉnh Bình Thuận, diện tích nuôi trồng thủy sản tháng 4/2021 ước đạt 245,7 ha, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm 2020; lũy kế 4 tháng đầu năm đạt 897,3 ha, tăng 2,8% so với cùng kỳ năm trước (trong đó, diện tích nuôi cá đạt 634 ha, tăng 2,6%; diện tích nuôi tôm đạt 258,6 ha, tăng 3,2%).

Sản lượng nuôi trồng trong tháng 4/2021 ước đạt 751 tấn, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm 2020; lũy kế 4 tháng đầu năm đạt 3.814,1 ha, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm 2020 (trong đó, cá các loại đạt 1.437 tấn, tăng 2,5%; Tôm nuôi nước lợ ước đạt 2.356,5 tấn, tăng 2,5%).

Sản lượng thủy sản khai thác trong tháng 4/2021 ước đạt 16.875,3 tấn, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm 2020; lũy kế 4 tháng đầu năm ước đạt 56.845,7 tấn, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Sản lượng giống sản xuất chủ yếu là tôm giống, ước trong tháng sản xuất 1,8 tỷ con, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm 2020; lũy kế 4 tháng đầu năm ước đạt 7,02 tỷ con tăng 5,6% so với cùng kỳ năm 2020. Tình hình nuôi tôm giống thủy sản của tỉnh đã dần đi vào ổn định, nhu cầu tôm giống tăng cao ở thị trường trong nước./.

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Bình Thuận)

ĐẢM BẢO AN NINH...

(Tiếp theo trang 32)

Thứ sáu, Tăng cường hợp tác quốc tế với các nước trong khu vực và thế giới để nâng cao năng lực cạnh tranh và gia tăng giá trị sản phẩm xuất khẩu lương thực và thực phẩm./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chính phủ, Nghị quyết về Đề án ' An ninh lương thực quốc gia đến năm 2020

Nguyễn Hoàng, ' Tình trạng nông dân bỏ ruộng ngày càng tăng', đăng tải ngày 20/07/2016 Hội nông dân Việt Nam : <http://tnnn.hoinongdan.org.vn/sitepages/news/109>

'Phát triển nông nghiệp bền vững thông qua khung quốc gia về dịch vụ khí hậu', tháng 5/2020

Tạ Ngọc Tân, ' An ninh quốc gia – những vấn đề an ninh phi truyền thống', NXB Chính trị - Hành chính, Hà nội 2015

Tổng cục Thống kê, Niên giám Thống kê năm 2020, NXB Thống kê, Hà Nội, 2020